

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước điều chỉnh năm 2023 của Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh cho Văn phòng Sở Tư pháp, Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước, Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản

GIÁM ĐỐC SỞ TƯ PHÁP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 43/QĐ-UB ngày 27/3/1982 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc thành lập Sở Tư pháp trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 40/2022/QĐ-UBND ngày 25/11/2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 4312/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố về giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 2655/QĐ-UBND ngày 27/6/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 cho các Sở, ban – ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức và Ủy ban nhân dân các quận, huyện.

Căn cứ Quyết định số 3685/QĐ-UBND ngày 31/8/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về điều chỉnh dự toán chi thường xuyên năm 2023;

Công văn số 5630/UBND-KT ngày 14/11/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc kinh phí bố trí trong năm 2023 cho các hoạt động, hạng mục ứng dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Quyết định số 635/QĐ-STP ngày 14/11/2023 của Giám đốc Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh về điều chỉnh dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2023;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu điều chỉnh dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2023 cho các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước trực thuộc Sở Tư pháp bao gồm: Văn phòng Sở Tư pháp thành phố Hồ Chí Minh (lần 3), Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước (lần 3), Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản (lần 1) theo các biểu đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Giám đốc Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước, Giám đốc Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*✍*/

Nơi nhận:

- Điều 3;
- Sở Tài chính;
- Ban Giám đốc;
- Các phòng chuyên môn;
- Ban Biên tập TTTĐT (để đăng tin);
- Lưu: VT, VP(KT/HH).



GIÁM ĐỐC

Huỳnh Văn Hạnh

CÔNG KHAI DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023
(Điều chỉnh lần 1)

Đơn vị sử dụng ngân sách: Trung tâm Dịch vụ đầu giá tài sản thành phố Hồ Chí Minh
Mã ĐVCQHVN số: 1047125
KBNN nơi giao dịch: KBNN quận Tân Bình
Chương 414 Loại 330 Khoản 338

(Kèm theo Quyết định số *04/4* /QĐ-STP ngày 20/11/2023 của Sở Tư pháp Tp.HCM)

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Mã nguồn	Dự toán giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh lần 1 (Cân đối ND chi)	Tổng dự toán
A	B	C	I	2	3=I+2
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách				
1	Số thu				
2	Chi từ nguồn thu được để lại				
3	Số nộp NSNN				
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước		623.000.000	0	623.000.000
	Chi sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác		623.000.000	0	623.000.000
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		0	0	0
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		623.000.000	0	623.000.000
	- Chi từ ngân sách thành phố		623.000.000	0	623.000.000
	Trong đó: + 10% tiết kiệm thực hiện CCTL 2023		0		0
	- Chi từ nguồn CCTL ngân sách thành phố		0		0
	Ghi chú: Các nhiệm vụ chi không thường xuyên năm 2023		623.000.000	0	623.000.000
1	Kinh phí tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện Đề án sửa học đường	12	200.000.000		200.000.000
2	KP tổ chức lựa chọn nhà thầu trong mua sắm tài sản công tập trung	12	423.000.000	-20.000.000	403.000.000
3	Kinh phí XD hệ thống đầu giá trực tuyến trên địa bàn TP.HCM (theo CV 3347/STTTT-KHTC ngày 10/10/2023)	12	0	20.000.000	20.000.000

Ghi chú:

- Dự toán điều chỉnh lần 1:

Điều chỉnh dự toán kinh phí chi thường xuyên năm 2023 theo Công văn số 5630/UBND-KT ngày 14/11/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc kinh phí bố trí trong năm 2023 cho các hoạt động, hạng mục ứng dụng công nghệ thông tin và Văn bản đề nghị số 4249/TTĐG ngày 14/11/2023 của Trung tâm Dịch vụ đầu giá tài sản TPHCM./.

CÔNG KHAI DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Điều chỉnh lần 3)

Đơn vị sử dụng ngân sách: Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước

Mã số ĐVQHVN: 1073100

KBNN nơi giao dịch: KBNN Quận 10 (Mã KB: 0117)

Chương 414, Khoản 338

(Kèm theo Quyết định số *616/KĐ* /QĐ-STP ngày 20/11/2023 của Sở Tư pháp Tp.HCM)

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Mã nguồn	Dự toán giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh lần 1		Dự toán điều chỉnh lần 2	Dự toán điều chỉnh lần 3 (Cân đối ND chi)	Tổng dự toán
				Dự toán năm trước chuyển sang (CL)	Dự toán được cấp bổ sung			
A	B	C	1	2	3	4	4	5=1+2+3+4
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách		0	0	0	0	0	0
1	Số thu		0			0	0	0
2	Chi từ nguồn thu được để lại		0			0	0	0
3	Số nộp NSNN		0			0	0	0
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước		7.446.000.000	177.419.700	36.000.000	0	0	7.659.419.700
	Chi sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác		7.446.000.000	177.419.700	36.000.000	0	0	7.659.419.700
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (nguồn KP tự chủ)		0	177.419.700	0	3.583.000.000	0	3.760.419.700
	- Chi từ ngân sách thành phố		0			3.583.000.000	0	3.583.000.000
	Trong đó: + 10% tiết kiệm thực hiện CCTL năm 2023	14.01	0			147.601.000	0	147.601.000
	+ Kinh phí chi cho công tác thi đua khen thưởng	13	0			21.000.000	0	21.000.000
	- Chi từ nguồn CCTL ngân sách thành phố		0					0
	- Chi từ nguồn CCTL của đơn vị năm trước chuyển sang	14.01	0	177.419.700				177.419.700
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		7.446.000.000	0	36.000.000	-3.583.000.000	0	3.899.000.000
	- Chi từ ngân sách thành phố		5.593.000.000	0	36.000.000	-3.583.000.000	0	2.046.000.000
	Trong đó: + 10% tiết kiệm thực hiện CCTL 2023		158.801.000			-147.601.000	0	11.200.000
	- Chi từ nguồn CCTL ngân sách thành phố		1.853.000.000					1.853.000.000
	- Chi từ nguồn CCTL của đơn vị năm trước chuyển sang		0					0
	Ghi chú: Các nhiệm vụ chi không thường xuyên NS cấp năm 2023		7.446.000.000	0	36.000.000	-3.583.000.000	0	3.899.000.000
a	Các nhiệm vụ chi không thường xuyên		3.863.000.000	0	36.000.000	0	0	3.899.000.000

STT	Nội dung	Mã nguồn	Dự toán giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh lần 1		Dự toán điều chỉnh lần 2	Dự toán điều chỉnh lần 3 (Cân đối ND chi)	Tổng dự toán
				Dự toán năm trước chuyển sang (CL)	Dự toán được cấp bổ sung			
A	B	C	1	2	3	4	4	5=1+2+3+4
1	Phụ cấp trách nhiệm trợ giúp viên pháp lý (25%)	12	200.000.000				-50.000.000	150.000.000
2	Kinh phí bồi dưỡng thành viên Hội đồng phối hợp liên ngành TGPL	12	95.000.000					95.000.000
3	Kinh phí khen thưởng cho cộng tác viên TGPL	12	50.000.000				16.000.000	66.000.000
4	Kinh phí nghiệp vụ đặc thù TGPL	12	1.151.000.000				184.000.000	1.335.000.000
5	Trợ cấp thôi việc	12	50.000.000				-50.000.000	0
6	Kinh phí trang phục cho trợ giúp viên pháp lý (10 người)	12	21.000.000					21.000.000
7	Kinh phí hỗ trợ bồi dưỡng cho cán bộ TGPL	12	331.000.000				-100.000.000	231.000.000
8	Kinh phí mua sắm tài sản (đã trừ 10%CCTL: 11,2trđ)	12	100.800.000					100.800.000
9	Kinh phí chi tăng thu nhập theo Nghị quyết số 03/NQ-HĐND, Văn bản thay thế liên quan	14.02	1.853.000.000					1.853.000.000
10	10% tiết kiệm thực hiện CCTL 2023	14.02	11.200.000					11.200.000
11	Kinh phí chăm lo Tết Quý Mão năm 2023	12			36.000.000			36.000.000
b	Nhiệm vụ chi không thường xuyên: do đơn vị chưa được UBND Thành phố giao quyền tự chủ tài chính trong năm 2023		3.583.000.000	0	0	-3.583.000.000	0	0
1	Kinh phí hoạt động (đã trừ 10% tiết kiệm thực hiện CCTL 2023)	12	3.435.399.000			-3.435.399.000		0
2	10% tiết kiệm thực hiện CCTL 2023	14.02	147.601.000			-147.601.000		0

Ghi chú:

- **Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ** được sử dụng từ nguồn cải cách tiền lương của ngân sách thành phố, số tiền là 0 đồng và từ nguồn cải cách tiền lương năm 2023 (KP tự chủ), nguồn CCTL của đơn vị năm trước chuyển sang năm 2023- nếu có; Đơn vị chỉ được sử dụng để chi chênh lệch tăng lương, phụ cấp công vụ và các khoản đóng góp theo chênh lệch tăng lương, chi trả thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 27/2022/NQ-NĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố, không được chi cho nội dung khác. Trường hợp sau khi sử dụng các nội dung trên còn thừa, đơn vị được chuyển sang năm sau tiếp tục quản lý và sử dụng.

- **Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ** được sử dụng từ nguồn cải cách tiền lương của ngân sách thành phố, số tiền **1.853.000.000 đồng** và kinh phí từ nguồn cải cách tiền lương năm 2023 (nguồn không tự chủ), nguồn CCTL của đơn vị năm trước chuyển sang năm 2023 - nếu có, chỉ được sử dụng cho nhu cầu chi tinh giản biên chế, chi trả thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố và các văn bản quy định hiện hành, **không được chi cho nội dung khác**. Trường hợp sau khi sử dụng các nội dung trên còn thừa, đơn vị được chuyển sang năm sau tiếp tục quản lý và sử dụng theo quy định.

- Dự toán điều chỉnh lần 1:

+ Mẫu 20f: Dự toán các nhiệm vụ chi năm 2022 được chuyển nguồn sang 2023;

+ Bổ sung dự toán kinh phí chăm lo Tết Quý Mão năm 2023 (theo Quyết định số 2655/QĐ-UBND ngày 27/6/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố): 36.000.000 đồng.

- Dự toán điều chỉnh lần 2:

Điều chỉnh dự toán kinh phí chi thường xuyên năm 2023 từ dự toán giao không tự chủ, sang dự toán kinh phí thường xuyên giao tự chủ (theo Quyết định số 4812/QĐ-UBND ngày 20/10/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố), số tiền: 3.583.000.000 đồng./.

- Dự toán điều chỉnh lần 3:

Điều chỉnh dự toán kinh phí chi thường xuyên năm 2023 theo đề nghị tại Công văn số 741/TGPL ngày 13/11/2023 của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước./.

CÔNG KHAI DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Điều chỉnh lần 3)

Đơn vị sử dụng ngân sách: **VĂN PHÒNG SỞ TƯ PHÁP**

Mã số: **1075715**

Mã KBNN nơi giao dịch: **0111**

Chương **414**, Khoản **341**



(Kèm theo Quyết định số **644** /QĐ-STP ngày 20/11/2023 của Sở Tư pháp Tp.HCM)

DVT: đồng

STT	Nội dung	Mã nguồn	Dự toán giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh lần 1		Dự toán điều chỉnh lần 2	Dự toán điều chỉnh lần 3	Tổng số
				Dự toán năm trước chuyển sang (số chênh lệch)	Dự toán được cấp bổ sung			
A	B	C	1	2	3	4	5	5=1+2+3+4
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí		21.571.000.000	0	0	0	0	21.571.000.000
1	Số thu phí, lệ phí		21.571.000.000	0	0	0	0	21.571.000.000
1.1	Lệ phí		571.000.000	0	0	0	-479.000.000	92.000.000
	LP hộ tịch - Bản sao		349.000.000				-349.000.000	0
	LP Quốc tịch		52.000.000				-22.000.000	30.000.000
	LP đăng ký kinh doanh (đăng ký DN)		120.000.000				-58.000.000	62.000.000
	LP đăng ký hoạt động VPLS (NN)		50.000.000				-50.000.000	0
	LP đăng kí nuôi con nuôi		0					0
1.2	Phí		21.000.000.000	0	0	0	479.000.000	21.479.000.000
1	Phí cung cấp thông tin Lý lịch tư pháp		21.000.000.000					21.000.000.000
2	Phí thẩm định điều kiện hoạt động thuộc lĩnh vực tư pháp (nước ngoài)						50.000.000	50.000.000
3	Phí thẩm định điều kiện hoạt động thuộc lĩnh vực tư pháp						65.000.000	65.000.000
4	Phí xác nhận có quốc tịch VN						38.000.000	38.000.000
5	Phí Hộ tịch bản sao						326.000.000	326.000.000
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại		11.272.000.000	0	0	0	0	11.272.000.000
	Chi quản lý hành chính, chi sự nghiệp		11.272.000.000	0	0	0	0	11.272.000.000
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		11.272.000.000					11.272.000.000
	Kinh phí chi trả cho các cơ quan phối hợp, xác minh hồ sơ LLTP,...		11.272.000.000					11.272.000.000
	Kinh phí chi sự nghiệp		0					0
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		0					0
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN		10.299.000.000	0	0	0	0	10.299.000.000
3.1	Lệ phí		571.000.000				-479.000.000	92.000.000
	LP hộ tịch - Bản sao		349.000.000				-349.000.000	0
	LP Quốc tịch		52.000.000				-22.000.000	30.000.000
	LP đăng ký kinh doanh (đăng ký DN)		120.000.000				-58.000.000	62.000.000
	LP đăng ký hoạt động VPLS (NN)		50.000.000				-50.000.000	0
	LP đăng kí nuôi con nuôi		0					0

STT	Nội dung	Mã nguồn	Dự toán giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh lần 1		Dự toán điều chỉnh lần 2	Dự toán điều chỉnh lần 3	Tổng số
				Dự toán năm trước chuyển sang (số chênh lệch)	Dự toán được cấp bổ sung			
A	B	C	1	2	3	4	5	5=1+2+3+4
3.2	Phí		9.728.000.000	0	0	0	479.000.000	10.207.000.000
1	Phí cung cấp thông tin Lý lịch tư pháp (nộp NSNN 15% số thu)		3.150.000.000					3.150.000.000
	Phí LLTP dự kiến còn lại (sau khi đã trích chuyển % cho các CQ phối hợp, CQ xác minh, chi trả chi phí yêu cầu xác minh) nộp bổ sung vào NSNN		6.578.000.000					6.578.000.000
2	Phí thẩm định điều kiện hoạt động thuộc lĩnh vực tư pháp (nước ngoài)						50.000.000	50.000.000
3	Phí thẩm định điều kiện hoạt động thuộc lĩnh vực tư pháp						65.000.000	65.000.000
4	Phí xác nhận có quốc tịch VN						38.000.000	38.000.000
5	Phí Hộ tịch bản sao						326.000.000	326.000.000
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước		39.980.000.000	426.797.299	203.400.000	-380.000.000	0	40.230.197.299
1	Chi quản lý hành chính		39.980.000.000	426.797.299	203.400.000	-380.000.000	0	40.230.197.299
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		15.971.000.000	426.797.299	0	-380.000.000	0	16.017.797.299
	- Chi từ ngân sách thành phố		15.971.000.000			-380.000.000		15.591.000.000
	<i>Trong đó: + 10% tiết kiệm thực hiện CCTL năm 2023</i>		525.003.000					525.003.000
	<i>+ Kinh phí chi cho công tác thi đua khen thưởng</i>		70.000.000					70.000.000
	- Chi từ nguồn CCTL ngân sách thành phố		0					0
	- Chi từ nguồn CCTL của đơn vị năm trước chuyển sang		0	426.797.299				426.797.299
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		24.009.000.000	0	203.400.000	0	0	24.212.400.000
	- Chi từ ngân sách thành phố		13.310.000.000		203.400.000			13.513.400.000
	<i>Trong đó: + 10% tiết kiệm thực hiện CCTL năm 2023</i>		96.200.000					96.200.000
	- Chi từ nguồn CCTL ngân sách thành phố		10.699.000.000					10.699.000.000
	- Chi từ nguồn CCTL của đơn vị năm trước chuyển sang							0
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ		0					0
3	Chi sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác		0					0
Ghi chú: Chi tiết các nội dung chi không tự chủ năm 2023:			24.009.000.000	0	203.400.000	0	0	24.212.400.000
01	- 10% tiết kiệm thực hiện CCTL 2023	14	96.200.000					96.200.000
02	- Kinh phí chi tăng thu nhập theo Nghị quyết 27/2022/NQ-HĐND, VB thay thế liên quan	14	10.699.000.000					10.699.000.000
03	- Kinh phí phụ cấp thâm niên nghề thanh tra	12	49.000.000				7.000.000	56.000.000
04	- Kinh phí phụ cấp đặc biệt ngành thanh tra (25%)	12	90.000.000					90.000.000
05	- Kinh phí bồi dưỡng công tác tiếp công dân, xử lý đơn	12	58.000.000					58.000.000
06	- Kinh phí đồng phục Thanh tra	12	60.000.000					60.000.000
07	- Kinh phí phục vụ hoạt động xử phạt vi phạm hành chính (CP bồi dưỡng CB thực hiện, CP tổ chức đoàn thanh tra, chi phí mua tin,...)	12	50.000.000				48.000.000	98.000.000
08	- Kinh phí duy trì và cải tiến hệ thống chất lượng ISO	12	80.000.000					80.000.000
09	- Kinh phí hỗ trợ công chức làm đầu mối kiểm soát TTHC	12	16.000.000					16.000.000

STT	Nội dung	Mã nguồn	Dự toán giao đầu năm	Dự toán điều chỉnh lần 1		Dự toán điều chỉnh lần 2	Dự toán điều chỉnh lần 3	Tổng số
				Dự toán năm trước chuyển sang (số chênh lệch)	Dự toán được cấp bổ sung			
A	B	C	1	2	3	4	5	5=1+2+3+4
10	- Kinh phí trợ cấp thôi việc	12	100.000.000					100.000.000
11	- Kinh phí bồi dưỡng Giám định viên tư pháp	12	3.046.000.000					3.046.000.000
12	- Kinh phí Hội đồng Phổ biến giáo dục Pháp luật	12	1.000.000.000					1.000.000.000
13	- Kinh phí Kiểm tra, rà soát, cập nhật dữ liệu văn bản	12	188.000.000					188.000.000
14	- Kinh phí theo dõi thi hành pháp luật, công tác bồi thường nhà nước, quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý VPHC	12	212.000.000					212.000.000
15	- Kinh phí tổ chức Hội nghị pháp luật (đã trừ 10%CCCTL: 26,2trđ)	12	235.800.000					235.800.000
16	- Kinh phí tổ chức triển khai thi hành Luật Hộ tịch	12	160.000.000					160.000.000
17	- Kinh phí triển khai chương trình hành động Quốc gia về đăng ký và thống kê Hộ tịch tại TP.HCM	12	135.000.000					135.000.000
18	- Kinh phí nghiệp vụ trong lĩnh vực nuôi con nuôi nước ngoài	12	240.000.000					240.000.000
19	- Kinh phí Xây dựng, thẩm định văn bản quy phạm pháp luật	12	360.000.000					360.000.000
20	- Kinh phí mua sắm tài sản (đã trừ 10%CCCTL: 21trđ)	12	189.000.000					189.000.000
21	- Kinh phí sửa chữa trụ sở, cơ sở hạ tầng (đã trừ 10%CCCTL: 49trđ)	12	441.000.000					441.000.000
22	- Kinh phí phục vụ công tác thu phí, lệ phí	12	3.108.000.000					3.108.000.000
23	- Kinh phí tham gia các vụ kiện theo chỉ đạo của UBND Thành phố	12	1.200.000.000				-55.000.000	1.145.000.000
24	- Kinh phí số hóa dữ liệu lý lịch tư pháp	12	2.196.000.000					2.196.000.000
25	- Kinh phí chăm lo Tết Quý Mão năm 2023	12	0		203.400.000			203.400.000

Ghi chú:

- **Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ** được sử dụng từ nguồn cải cách tiền lương của ngân sách thành phố (số tiền là 0 đồng), từ nguồn cải cách tiền lương năm 2023 (KP tự chủ) và từ nguồn CCTL của đơn vị năm trước chuyển sang năm 2023 (số tiền 426.797.299 đồng): Đơn vị chỉ được sử dụng để chi chênh lệch tăng lương, phụ cấp công vụ và các khoản đóng góp theo chênh lệch tăng lương, chi trả thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 27/2022/NQ-NĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố và các văn bản quy định hiện hành, không được chi cho nội dung khác. Trường hợp sau khi sử dụng các nội dung trên còn thừa, đơn vị được chuyển sang năm sau tiếp tục quản lý và sử dụng.

- **Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ** được sử dụng từ nguồn cải cách tiền lương của ngân sách thành phố, số tiền **10.699.000.000 đồng**, kinh phí từ nguồn cải cách tiền lương năm 2023 (nguồn không tự chủ) và từ nguồn CCTL của đơn vị năm trước chuyển sang năm 2023 - nếu có, chỉ được sử dụng cho nhu cầu chi tính gián biên chế, chi trả thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố và các văn bản quy định hiện hành, **không được chi cho nội dung khác**. Trường hợp sau khi sử dụng các nội dung trên còn thừa, đơn vị được chuyển sang năm sau tiếp tục quản lý và sử dụng theo quy định.

- Dự toán điều chỉnh lần 1:

+ Mẫu 20f: Dự toán các nhiệm vụ chi năm 2022 được chuyển nguồn sang 2023;

+ Bổ sung dự toán kinh phí chăm lo Tết Quý Mão năm 2023 (theo Quyết định số 2655/QĐ-UBND ngày 27/6/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố): 203.400.000 đồng.

- Dự toán điều chỉnh lần 2: Điều chỉnh dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2023 (giảm kinh phí của 03 chỉ tiêu biên chế theo Quyết định số 3685/QĐ-UBND ngày 31/8/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố): -380.000.000 đồng.

- Dự toán điều chỉnh lần 3:

+ Cân đối kinh phí một số nội dung chi theo thực tế;

+ Điều chỉnh dự toán thu phí, lệ phí theo Kết luận thanh tra số 124/KL.TT-Ttra ngày 17/8/2023 của Thanh tra Sở Tài chính./.